

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-7-2022

V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN H, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Hùng

2. Ông Trần Đạt Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duuyên H, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duuyên H, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Kim Mau - kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duuyên H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Monl Th, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp Cây X, xã Ngũ L, huyện Duuyên H, tỉnh Trà Vinh. Đề nghị xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Thạch Sầm A, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp Cây X, xã Ngũ L, huyện Duuyên H, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

- *Con chung:* Cháu Thạch Tô N, sinh ngày 06/3/2007 và cháu Thạch Thị Ly N, sinh ngày 23/9/2008. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2021, lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thạch Thị Monl Th trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà và ông Sầm A được người lớn giới thiệu, sau đó tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngũ L, huyện Duuyên H, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn về sinh sống chung nhà cha mẹ ông Sầm A. Sau đó (khai không nhớ năm nào) hai người cất nhà sống riêng trên đất của cha ruột bà (tại ấp Cây X, xã Ngũ L, huyện Duuyên H, tỉnh Trà Vinh, là căn nhà bà đang sinh sống cùng 02 con). Quá trình sống chung, ông Sầm A không có công việc ổn định, không chịu khó đi tìm việc làm, chỉ thỉnh thoảng đi đặt lú bắt cá, cua, ốc, v ... v ... nhưng chủ yếu là ở nhà, đi chơi và thời gian dài sinh tật đánh

bài, mê cờ bạc dẫn đến bán hết đất đai của cha chồng bà để lại khoảng 40 công và bán cả phần đất (04 công) của cha ruột bà cho (tọa lạc ấp Cây X, gần nhà mẹ ông Sầm A đang ở hiện nay), chỉ còn 01 công hiện bà đang canh tác. Vì không thể khuyên giải được ông Sầm A sửa đổi nên vợ chồng, gia đình không còn hạnh phúc và cách nay khoảng 06 – 07 tháng ông Sầm A tự bỏ nhà đi ở sinh sống nhà mẹ ruột cũng tại ấp Cây X. Do đó, bà yêu cầu được ly hôn với ông Sầm A.

Về con chung: Bà và ông Sầm A có 02 con chung tên Thạch Tô N, sinh ngày 06/3/2007 và Thạch Thị Ly N, sinh ngày 23/9/2008 hiện sống chung với bà nên bà yêu cầu nuôi tiếp sau ly hôn và không yêu cầu ông Sầm A cấp dưỡng nuôi con, hàng ngày bà làm thuê, tự nuôi tôm, cua trên 01 công đất còn lại thu nhập đủ khả năng nuôi con.

Về quyền tài sản chung: Có 01 căn cấp 4 cất ở nhờ trên đất của cha bà tại ấp Cây X, xã Ngũ L, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh cùng với một số vật dụng sinh hoạt trong nhà và 01 công đất còn lại tại ấp Cây X do cha bà cho như trình bày phần trên, bà đang canh tác nuôi tôm là nguồn thu nhập chính hàng ngày để nuôi con, khi ly hôn bà không yêu cầu chia tài sản này.

Về nghĩa vụ tài sản chung: Bà với ông Sầm A không có làm ăn kinh doanh gì, không có vay mượn tiền ai cũng không có cho ai vay mượn tiền chung nên không có nợ chung, chỉ có nợ cờ bạc riêng của ông Sầm A, nhưng ông Sầm A nợ người nào, số tiền bao nhiêu thì bà không biết.

Bà Thạch Thị Monl Th yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Con chung cháu Thạch Tô N và cháu Thạch Thị Ly N cùng trình bày nguyện vọng yêu cầu được sinh sống ở chung với bà Thạch Thị Monl Th.

Tại biên bản xác minh ngày 16/02/2022 đối với ông Thạch Ngọc Tr cho biết: Ông là Trưởng Ban nhân ấp Cây X, xã Ngũ L, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Ông Sầm A và bà M kết hôn với nhau và sống tại địa phương, nguyên nhân họ xảy ra mâu thuẫn do ông Sầm A thường đi chơi đánh bài rồi bán hết đất đai của gia đình. Hiện nay ông Sầm A bỏ về nhà mẹ ruột ở (cũng tại ấp Cây X), nhà chung của họ hiện do bà Monl Th đang ở sinh sống cùng 02 con chung. Quá trình sống chung họ chưa từng yêu cầu địa phương giải quyết vấn đề mâu thuẫn gia đình.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn thì không chấp hành, vắng mặt không lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, bà Monl Th tự nguyện tiến tới hôn nhân với ông Thạch Sầm A năm 2016, có đăng ký kết hôn, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2021 mâu thuẫn do ông Sầm A thường xuyên cờ bạc, không chăm lo cho hạnh phúc gia đình nên bà Monl Th yêu cầu ly hôn.

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: nhận thấy, việc bà Monl Th và ông Sầm A tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật là có thật. Về nguyên nhân mâu thuẫn như bà Monl Th trình bày, qua địa phương xác nhận thì do ông Sầm A mê cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, cũng như bà Monl Th xác nhận mục đích hôn nhân không đạt được, không hạnh phúc. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Monl Th là có cơ sở chấp nhận; Hai con chung bà Monl Th yêu cầu nuôi, nguyện vọng của 02 con cũng yêu cầu ở với bà Monl Th, bà Monl Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung bà Monl Th không yêu cầu; Nợ chung không có.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 9, 51, 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân, chấp nhận cho bà Thạch Thị Monl Th được ly hôn với ông Thạch Sầm A; Về con chung, giao 02 cháu Thạch Tô N, sinh ngày 06/3/2007, cháu Thạch Thị Ly N, sinh ngày 23/9/2008 cho bà Thạch Thị Monl Th nuôi dưỡng tiếp theo nguyện vọng của 02 cháu, bà Thạch Thị Monl Th không yêu cầu cấp dưỡng nên không giải quyết; Tài sản chung, bà Thạch Thị Monl Th không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết; Nợ chung không có. Án phí đề nghị giải quyết theo quy định.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sự vắng mặt tại phiên tòa của bà Thạch Thị Monl Th là đề nghị xét xử vắng mặt. Riêng ông Thạch Sầm A vắng mặt đến lần thứ hai không lý do mà không có đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Xét thấy việc cấp, tổng đạt thông báo, quyết định, giấy triệu tập giao cho ông Thạch Sầm A là niêm yết theo quy định tại điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, do ông Thạch Sầm A không có mặt ở nhà và không rõ thời điểm trở về. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại đơn khởi kiện, các lời khai của bà Thạch Thị Monl Th cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do ông Thạch Sầm A không chăm lo làm kinh tế nuôi gia đình, thường ngày đi chơi đánh bài (cờ bạc) dẫn đến bán (chuyên nhượng) hết đất đai, không khuyên giải được nên bà kiên quyết yêu cầu ly hôn. Đối với ông Sầm A trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án có thông báo hòa giải bằng văn bản và niêm yết công khai, đồng thời gọi điện thoại qua số: 0398.185.441 ông Sầm A sử dụng. Qua đó ông Sầm A trả lời sẽ không có mặt theo thông báo hoặc triệu tập của Tòa án và không có văn bản phản đối. Xét hôn nhân của ông Sầm A với bà Monl Th là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số: 189, quyển 01, đăng ký ngày 09/6/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Ngũ L, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Hai người không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống, công việc riêng, hai bên không mong muốn hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân của hai người xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn

gắn trở về tiếp tục sống chung. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Thạch Thị Monl Th ly hôn với ông Thạch Sầm A.

[3] Quyền, nghĩa vụ đối với con chung, bà Thạch Thị Monl Th khai có con chung là cháu Thạch Tô N, sinh ngày 06/3/2007 và Thạch Thị Ly N, sinh ngày 23/9/2008 hiện ở chung bà Monl Th, nguyện vọng của hai cháu yêu cầu ở với bà Monl Th và bà Monl Th cũng yêu cầu nuôi và không yêu cầu ông Thạch Sầm A cấp dưỡng. Tòa án đã có giải thích cho đương sự về quyền, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của người không trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật, nhưng bà Monl Th không yêu cầu. Xét việc bà Monl Th không yêu cầu ông Sầm A cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đối với ông Sầm A không có văn bản phản đối hoặc có yêu cầu về con chung. Riêng nguyện vọng của hai cháu là tự nguyện yêu cầu được sinh sống, ở chung bà Monl Th, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Thạch Tô N và cháu Thạch Thị Ly N cho bà Monl Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[4] Về quyền đối với tài sản chung, bà Thạch Thị Monl Th khai có nhà cấp 4 tọa lạc ấp Cây X, xã Ngũ L cùng với tài sản vật dụng sinh hoạt gia đình và 01 công đất nuôi thủy sản (nuôi tôm, cua) cùng tọa lạc ấp Cây X, xã Ngũ L, bà Monl Th không yêu cầu. Xét việc bà Monl Th không yêu cầu giải quyết tài sản chung khi ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, ông Thạch Sầm A không có văn bản phản đối hoặc yêu cầu gì khác nên không giải quyết chung trong vụ án.

[5] Về nghĩa vụ đối với tài sản chung, bà Thạch Thị Monl Th khai không có và không yêu cầu gì khác, ông Thạch Sầm A không có văn bản phản đối hoặc có yêu cầu gì khác nên không giải quyết chung trong vụ án.

[6] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nhận thấy, tuy đương sự là người dân tộc Khmer sống ở địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn yêu cầu miễn tiền án phí theo các điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhưng theo Quyết định của Ủy ban nhân tỉnh Trà Vinh đã công nhận xã Ngũ Lạc đạt chuẩn xã nông thôn mới (trong năm 2021) nên không được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Monl Th.

1. Về hôn nhân: Cho bà Thạch Thị Monl Th ly hôn với ông Thạch Sầm A.

2. Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung: Giao cháu Thạch Tô N, sinh ngày 06/3/2007 và cháu Thạch Thị Ly N, sinh ngày 23/9/2008 cho bà Thạch Thị Monl Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (nguyện vọng của cháu Thạch Tô N và Thạch Thị Ly N cũng yêu cầu ở với bà Thạch Thị Monl Th).

Vấn đề nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quyền đối với tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nghĩa vụ đối với tài sản chung: Không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Thạch Thị Monl Th chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006988 ngày 19/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hợp lệ hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Duyên H;
- Chi cục THADS huyện Duyên H;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Kim Thị Hồng Nga

